FireAnt

# CTCP Everpia (HSX: EVE)

| Thông tin giao dịch | 30/06/2025 |
|---|---|
| Giá hiện tại (VNĐ) | 11,000 |
| Cao nhất 52 tuần (VNĐ) | 13,729 |
| Thấp nhất 52 tuần (VNĐ) | 7,887 |
| SL cổ phiếu LH | 41,979,773 |
| KLGD BQ 20 phiên (CP) | 66,420 |
| % sở hữu nước ngoài | 68.3% |
| Vốn điều lệ (tỷ VNĐ) | |
| Vốn hóa (tỷ VNĐ) | 462 |
| P/E | -42.3 |
| EPS | -260 |

| | YTD | 1T | 3T | 6T |
|---|---|---|---|---|
| EVE | 11.2% | 18.9% | 8.6% | 13.9% |
| VNINDEX | 8.4% | 2.1% | 5.3% | 8.0% |

## Cơ cấu Tổng tài sản

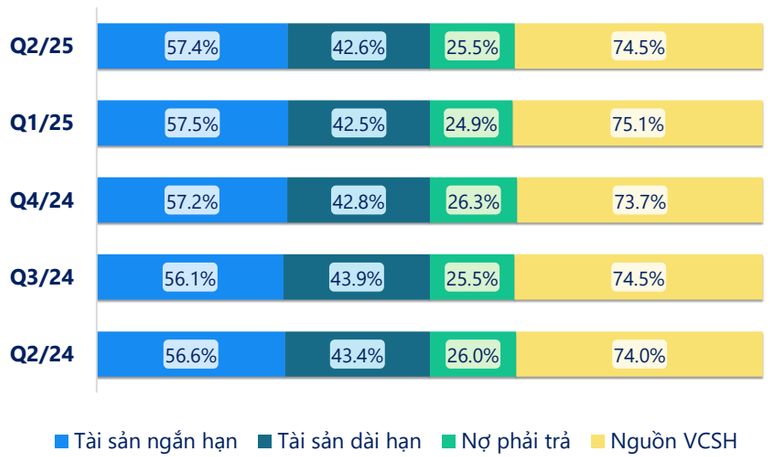


*(Nguồn: fireant.vn)*

## Cơ cấu Tài sản ngắn hạn/Tổng TS

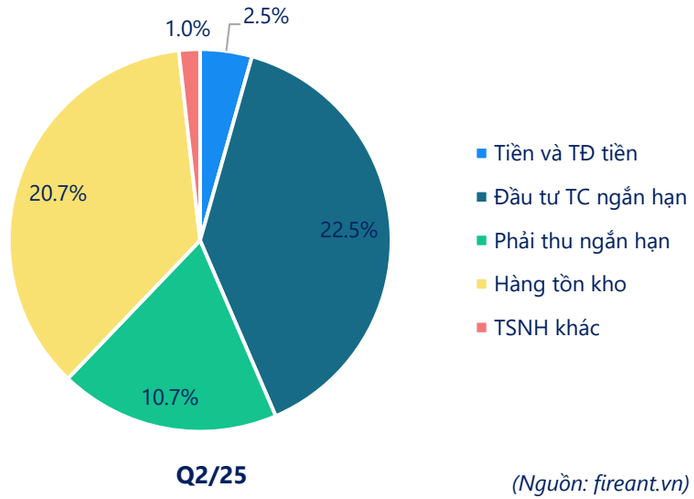


*(Nguồn: fireant.vn)*

## Cơ cấu sở hữu

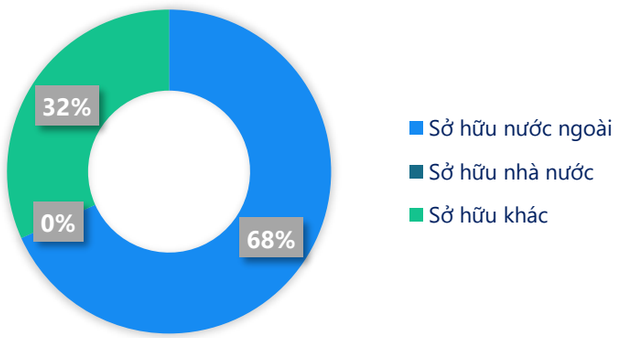


*(Nguồn: fireant.vn)*

## Cơ cấu cổ đông

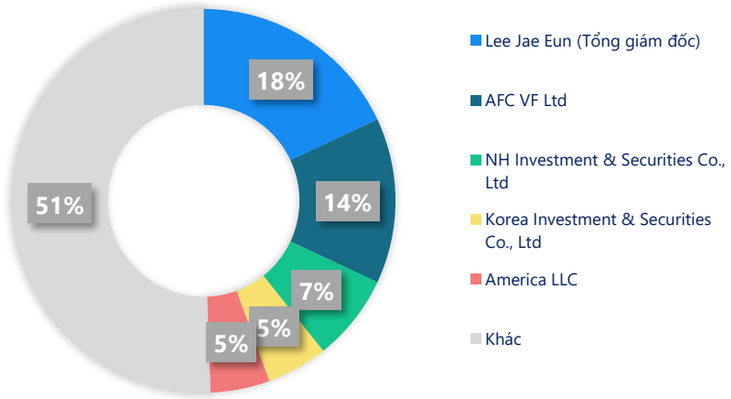


*(Nguồn: fireant.vn)*

## Cơ cấu Tài sản dài hạn/Tổng TS

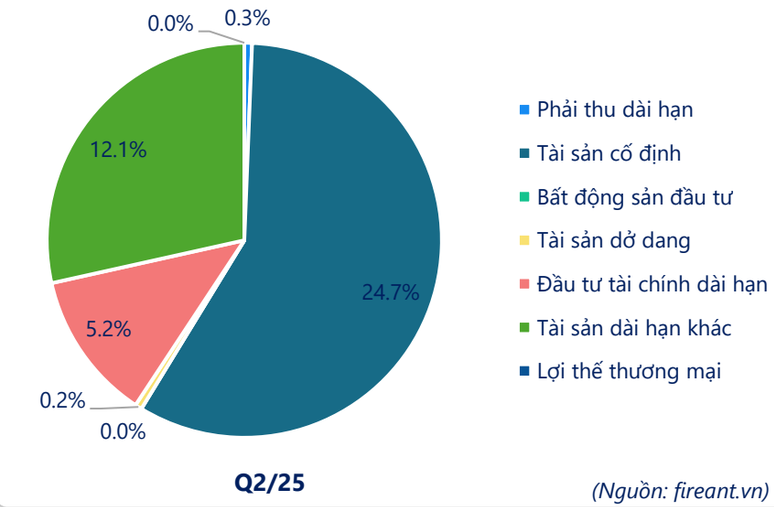


*(Nguồn: fireant.vn)*

Powered by Infographic

# CTCP Everpia (HSX: EVE)

## Tiền và tương đương tiền

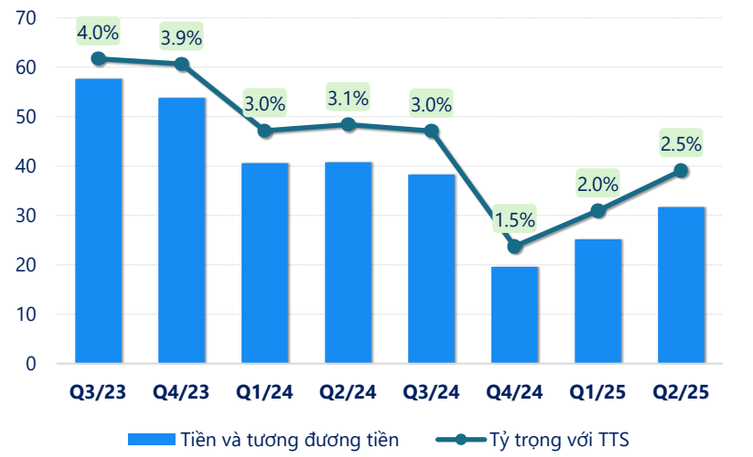


*(Nguồn: fireant.vn)*

## Phải thu ngắn hạn

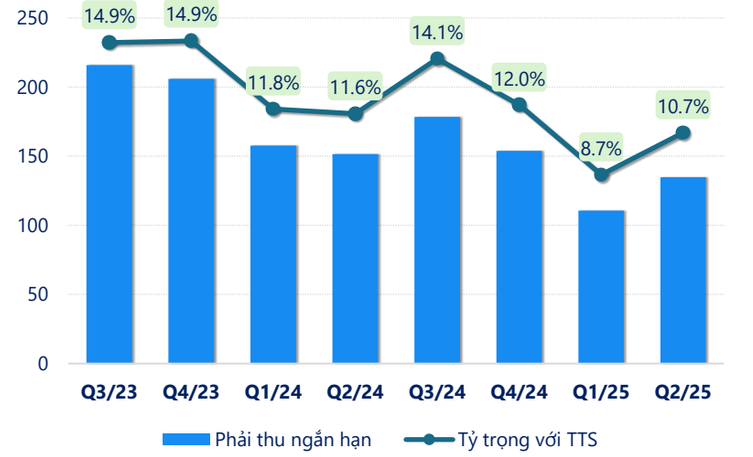


*(Nguồn: fireant.vn)*

## Hàng tồn kho

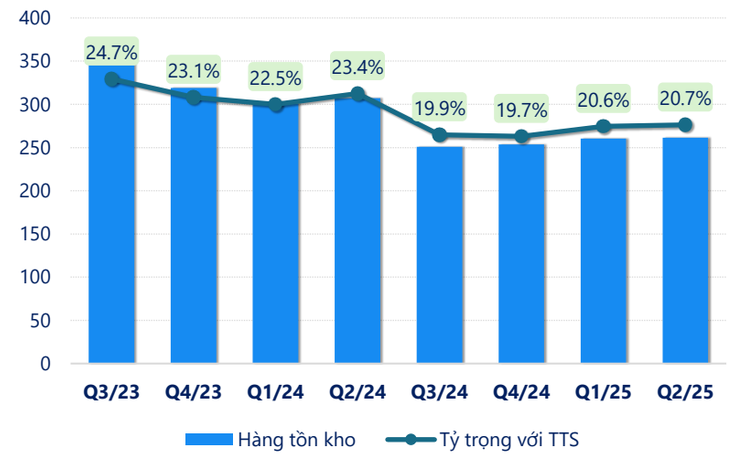


*(Nguồn: fireant.vn)*

## Tài sản cố định

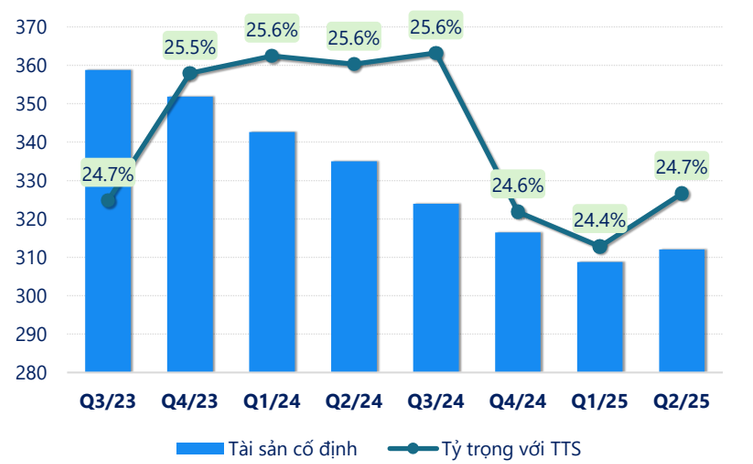


*(Nguồn: fireant.vn)*

## Nợ vay

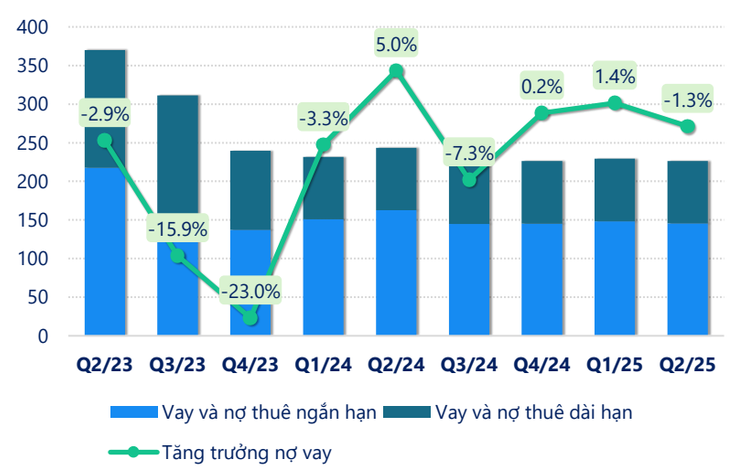


*(Nguồn: fireant.vn)*

## Vốn chủ sở hữu

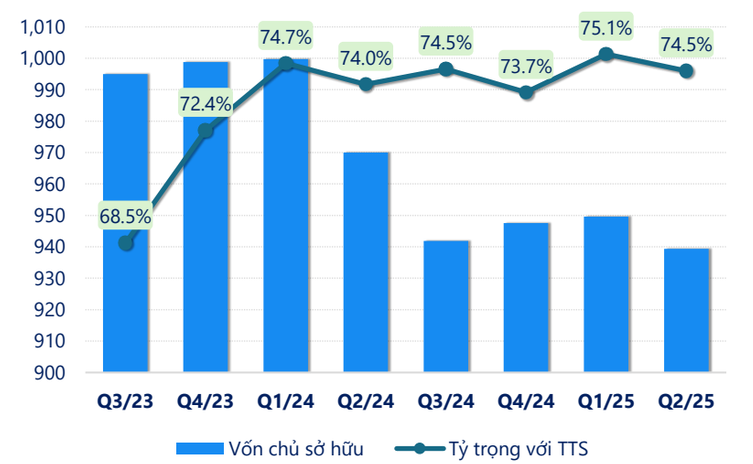


*(Nguồn: fireant.vn)*

# CTCP Everpia (HSX: EVE)

## Kết quả kinh doanh

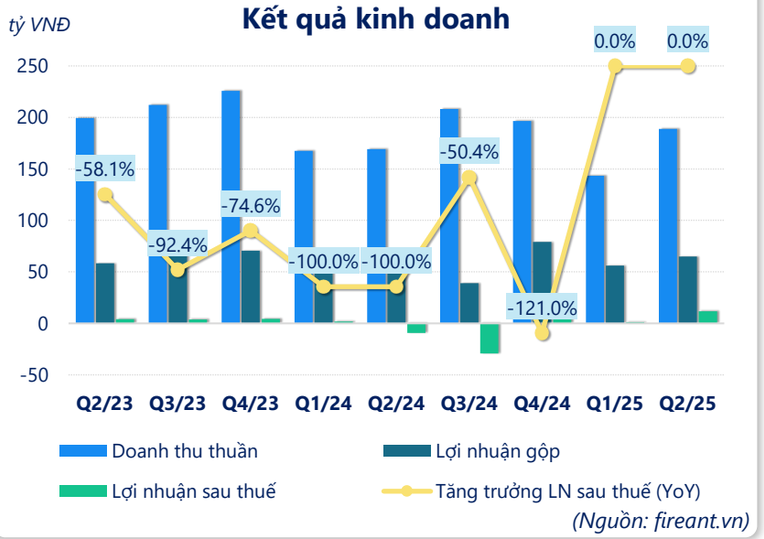


*(Nguồn: fireant.vn)*

## Tỷ suất lợi nhuận

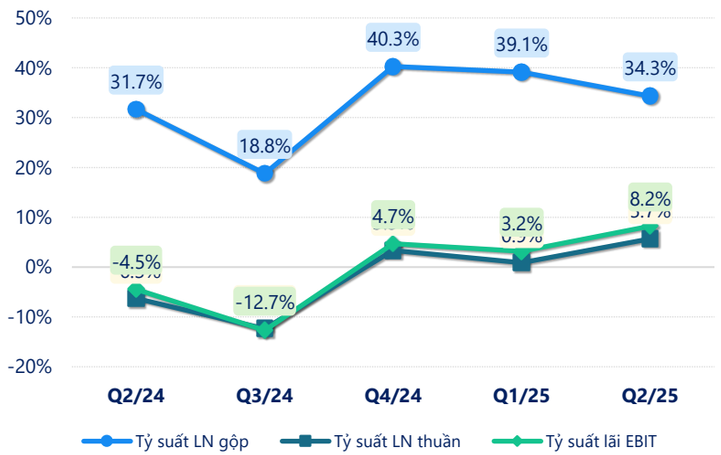


*(Nguồn: fireant.vn)*

## Tỷ suất sinh lợi

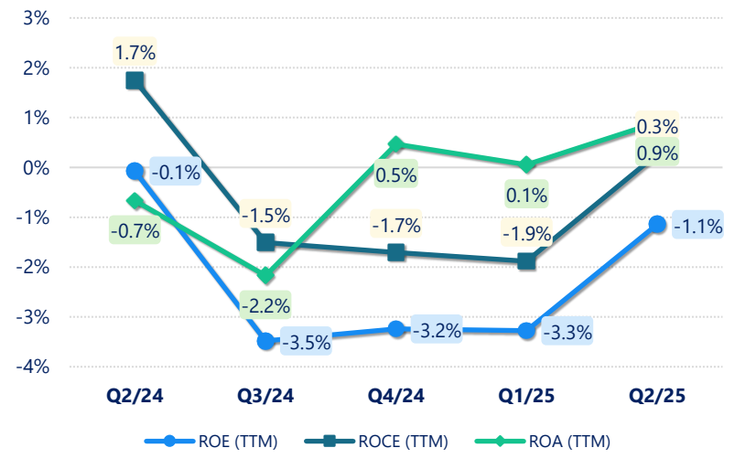


*(Nguồn: fireant.vn)*

## Vòng quay tài sản

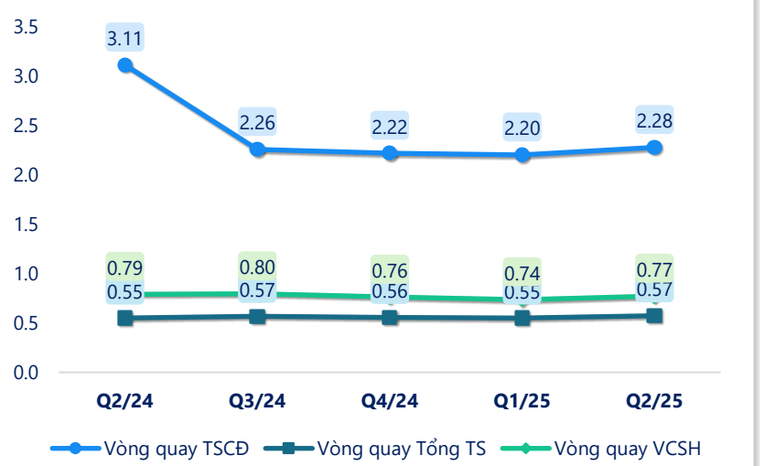


*(Nguồn: fireant.vn)*

## Chỉ số thanh khoản

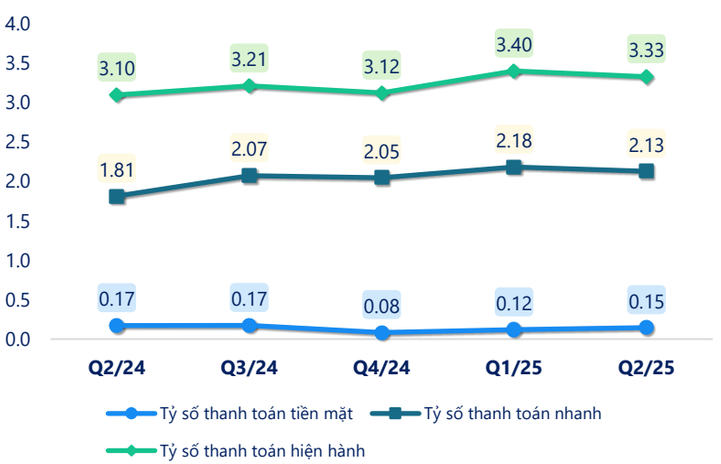


*(Nguồn: fireant.vn)*

## Lưu chuyển tiền

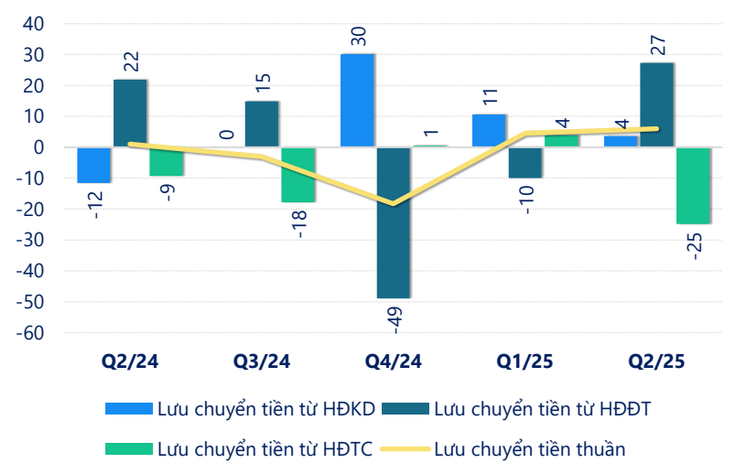


*(Nguồn: fireant.vn)*



Powered by Infographic

# CTCP Everpia (HSX: EVE)

| CÂN ĐỐI KẾ TOÁN *(tỷ VNĐ)* | Tại ngày 30/6/2025 | Tại ngày 31/12/2024 | Thay đổi |
|---|---|---|---|
| **Tổng tài sản** | **1,261** | **1,284** | **-1.8%** |
| **Tài sản ngắn hạn** | 724 | 741 | -2.2% |
| Tiền và tương đương tiền | 31.7 | 19.5 | 62.5% |
| Đầu tư tài chính ngắn hạn | 284 | 299 | -5.2% |
| Phải thu ngắn hạn | 135 | 155 | -12.8% |
| Hàng tồn kho | 261 | 253 | 3.1% |
| Tài sản ngắn hạn khác | 12.9 | 14.2 | -9.4% |
| **Tài sản dài hạn** | **537** | **543** | **-1.1%** |
| Phải thu dài hạn | 3.38 | 2.86 | 18.2% |
| Tài sản cố định | 312 | 315 | -1.0% |
| Bất động sản đầu tư | 0 | 0 | |
| Tài sản dở dang | 3.00 | 0 | |
| Đầu tư tài chính dài hạn | 65.7 | 64.6 | 1.6% |
| Tài sản dài hạn khác | **153** | **161** | **-4.7%** |
| Lợi thế thương mại | 0 | 0 | |
| **Nợ phải trả** | 322 | 336 | -4.1% |
| **Nợ ngắn hạn** | **218** | **233** | **-6.5%** |
| Vay và nợ thuê ngắn hạn | 146 | 145 | 0.7% |
| Phải trả người bán ngắn hạn | 34.3 | 42.7 | -19.6% |
| **Nợ dài hạn** | 104 | 103 | 1.3% |
| Vay và nợ thuê dài hạn | 80.8 | 80.8 | 0.0% |
| **Nguồn vốn chủ sở hữu** | **939** | **948** | **-1.0%** |
| **Vốn chủ sở hữu** | **939** | **948** | **-1.0%** |
| Vốn điều lệ | 420 | 420 | 0.0% |
| **Kinh phí và quỹ khác** | **0** | **0** | |

*(Nguồn: fireant.vn)*

| KẾT QUẢ KINH DOANH *(tỷ VNĐ)* | Q2/24 | Q3/24 | Q4/24 | Q1/25 | Q2/25 |
|---|---|---|---|---|---|
| **Doanh thu thuần** | 169 | 208 | 197 | 143 | 189 |
| Giá vốn hàng bán | 116 | 169 | 117 | 87.2 | 124 |
| **Lợi nhuận gộp** | 53.6 | 39.1 | 79.1 | 56.0 | 64.8 |
| Doanh thu HĐTC | 5.84 | 5.17 | 6.52 | 6.70 | 6.94 |
| Chi phí TC | 4.83 | 3.87 | 4.02 | 4.31 | 5.12 |
| **Chi phí lãi vay** | 2.87 | 2.68 | 2.84 | 2.87 | 3.26 |
| LN trong công ty LKLD | 0 | 0 | 0 | 0 | 0 |
| Chi phí bán hàng | 40.7 | 42.2 | 52.7 | 35.8 | 34.2 |
| Chi phí QLDN | 24.5 | 23.9 | 22.4 | 21.4 | 21.7 |
| **LN thuần từ HĐKD** | -10.6 | -25.7 | 6.57 | 1.27 | 10.7 |
| Lợi nhuận khác | 0.20 | -3.36 | -0.23 | 0.39 | 1.54 |
| **LN trước thuế** | -10.4 | -29.1 | 6.34 | 1.66 | 12.3 |
| **Lợi nhuận sau thuế** | -9.27 | -29.3 | 6.44 | 1.09 | 11.9 |
| **LNST của CĐ cty mẹ** | -9.38 | -29.5 | 6.21 | 0.72 | 11.6 |

*(Nguồn: fireant.vn)*

| LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ *(tỷ VNĐ)* | Q2/24 | Q3/24 | Q4/24 | Q1/25 | Q2/25 |
|---|---|---|---|---|---|
| Lưu chuyển tiền từ HĐKD | -11.6 | 0.01 | 30.1 | 10.6 | 3.58 |
| Lưu chuyển tiền từ HĐĐT | 21.9 | 14.8 | -48.9 | -9.96 | 27.3 |
| Lưu chuyển tiền từ HĐTC | -9.25 | -17.9 | 0.54 | 3.84 | -24.9 |
| Tiền đầu kỳ | 40.6 | 40.8 | 38.3 | 19.5 | 25.2 |
| **Lưu chuyển tiền thuần** | **1.07** | **-3.01** | **-18.3** | **4.52** | **6.00** |
| Ảnh hưởng tỷ giá | -0.86 | 0.49 | -0.35 | 1.15 | 0.52 |
| Tiền cuối kỳ | 40.8 | 38.3 | 19.6 | 25.2 | 31.7 |

*(Nguồn: fireant.vn)*



Powered by Infographic